

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Võ Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L; sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoàng G; sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày: Chị và anh Đặng Hoàng G kết hôn vào năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 232 ngày 16/12/2003.

Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Hoàng G.

Về con chung: Vợ, chồng có 03 (ba) con chung là cháu Đặng Văn L1, sinh ngày 10/3/1995, cháu Đặng Văn L2, sinh ngày 10/12/2000 và cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H và không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Đặng Văn L1 và cháu Đặng Văn L2 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Hoàng G: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến.

Tại Bản tự khai nộp cho Tòa án, cháu Đặng Thị Ngọc H thể hiện ý kiến, nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha, mẹ của cháu ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp cho Tòa án: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản photô), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao), Sổ hộ khẩu (bản photô).

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Đặng Hoàng G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 232 ngày 16/12/2003. Xét thấy việc kết hôn của chị L và anh G tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị L và anh G là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc và vợ, chồng sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G. Bị đơn anh G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó cho thấy vợ, chồng không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét thấy giữa chị L và anh G đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị L và anh G ly hôn.

[5] Về con chung: Vợ, chồng chị L và anh G có 03 (ba) con chung là cháu Đặng Văn L1, sinh ngày 10/3/1995, cháu Đặng Văn L2, sinh ngày 10/12/2000 và cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu H. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, cha của cháu H là anh G không thể hiện ý kiến về việc được trực tiếp nuôi con và cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha, mẹ của cháu ly hôn. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu L1 và cháu L2, tại thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Người trực tiếp nuôi con là chị L không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh G cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 87, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị L và anh Đặng Hoàng G ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 12/4/2013 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Đặng Hoàng G chưa phải cấp dưỡng cho con.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Đoàn Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008592 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Đoàn Thị L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc